TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 18/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mười.
2. Ông Trần Quang Huyền..
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST - HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn L**, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1997.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm G, xã Y, huyện Đại Từ, TN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Con ông: Vũ Văn T (đã chết); Con bà: Mai Thị H, sinh năm 1971. Làm ruộng tại Xóm G, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: Chưa có.Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại**:
1. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1973 (*Vắng mặt*);
2. bà Trần Thị M, sinh năm 1978 (*Có mặt*);
Đều trú quán: Xóm Đ, xã C, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

*** Người làm chứng**:
1. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1983(*Có mặt*);
2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981(*Có mặt*);
3. bà Vũ Thị Á, sinh năm 1981(*Có mặt*).
Đều trú quán: Xóm Đ, xã C, huyện Đại Từ, Thái Nguyên
4. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1974(*Vắng mặt*);
5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1974(*Vắng mặt*).
Đều trú quán: Xóm D, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/10/2019 Vũ Văn L một mình đi đến nhà chú thím của L là anh Vũ Văn T, sinh năm 1973 và chị Trần Thị M, sinh năm 1978 đều trú tại xóm Đ, xã C, huyện Đại Từ chơi. Khi đến nơi, L thấy anh T và một số người họ hàng đang lợp mái nhà bếp, chị M không có nhà nên L một mình đi vào trong phòng khách nhà anh T ngồi nghe nhạc bằng điện thoại. Lúc sau, L thấy anh T và mọi người vẫn đang lợp mái nhà, trong phòng khách nhà anh T không có ai, sát tường phía tây của phòng khách có kê 01 chiếc tủ hai ngăn đựng quần áo bằng kim loại, cánh tủ đang được khóa bằng chìm có nẫy bên trong nên L nảy sinh ý định cậy phá tủ trộm cắp tài sản của gia đình anh T. L đi đến chỗ kê chiếc tủ dùng tay giật mạnh ngăn tủ dưới cùng bên trái làm cong nẫy khóa, L kéo ngăn tủ ra lục tìm tài sản thì phát hiện 01 chiếc túi xách màu đen, L mở túi xách ra thấy bên trong có 01 tập tiền gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. L rút một nửa trong tập tiền trên, số tiền còn lại L để vào túi xách và để vào vị trí cũ rồi đóng ngăn kéo lại. Sau đó, L một mình đi sang nhà chú thím của L là anh Vũ Văn T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Diện, sinh năm 1991 ở cùng xóm với anh T thì thấy vợ chồng anh T đang đuổi gà ở ngoài vườn, L đi vào trong phòng ngủ của vợ chồng anh T lật chiếc đệm trên giường ngủ của vợ chồng anh T cất giấu toàn bộ số tiền vừa trộm cắp được ở dưới đệm, rồi L nhờ anh T chở ra ngoài đường tỉnh lộ 261 để L bắt xe về nhà.

Về phía anh Vũ Văn T và vợ là chị Trần Thị M sau khi phát hiện bị mất số tiền 9.400.000 đồng, đã làm đơn trình báo đến công an xã Cát Nê và công an huyện Đại Từ đề nghị giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tiền 9.400.000 đồng như nêu trên, lời khai của L phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, của người làm chứng và vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án là số tiền 9.400.000 đồng đã được thu hồi và trả lại cho anh T, chị M quản lý, sử dụng. Anh T, chị M không còn ý kiến gì và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Tại bản cáo trạng số 03/VKS - CT ngày 13/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Vũ Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Văn L và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/10/2019, tại nhà ở của anh Vũ Văn T và chị Trần Thị M tại xóm Đ, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Vũ Văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 9.400.000 đồng loại tiền mệnh giá 200.000 đồng để trong ngăn kéo tủ đã được khóa của gia đình anh T và chị M sau đó đem cất dấu dưới đệm giường trong buồng nhà anh T, chị Diện.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[3]. Xét tính chất của vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo còn được phía người bị hại có ý kiến và đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, bản thân mắc bệnh tim bẩm sinh và chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy cần

thiết phải có hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt cho phù hợp đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: số tiền 9.400.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cơ quan điều tra đã được thu hồi và trả lại cho anh T, chị M quản lý, sử dụng, anh T, chị M đều không còn ý kiến đề nghị gì . HĐXX không xem xét.

[8]. Các nội dung có liên quan khác: Quá trình điều tra xác định, anh Vũ Văn T và vợ là chị Nguyễn Thị Diện không biết việc L trộm cắp tiền rồi cất giấu tại phòng ngủ của gia đình mình, nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh T, chị Diện.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Vũ Văn L** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Vũ Văn L** 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên

Nơi nhận:
- TAND, sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an, VKS, THA DS, HS Đại Từ;
- Bị cáo, Bị hại; UBND xã Y;
- Lưu VT;